

## KẾ HOẠCH

### Sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Kế hoạch số 1992/KH-TTTP ngày 25/9/2024 của Thanh tra Chính phủ về sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng; xét Công văn số 1198/TTT-P3 ngày 04/10/2024 của Thanh tra tỉnh, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa với các nội dung sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Đánh giá khách quan, toàn diện kết quả đạt được, làm rõ những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục kịp thời những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn công tác PCTN, làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật về PCTN, bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng về công tác PCTN, tiêu cực trong tình hình mới.

##### 2. Yêu cầu

- Việc sơ kết được thực hiện nghiêm túc, khách quan, thực chất, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng nội dung, mục đích, tiến độ đề ra.

- Đánh giá đúng thực trạng, kết quả công tác PCTN; tập trung phân tích, làm rõ những bất cập, khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp cụ thể trong việc sửa đổi, bổ sung Luật PCTN.

#### II. PHẠM VI, HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG SƠ KẾT

##### 1. Phạm vi

- Việc sơ kết được thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh Khánh Hòa; tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Kỳ sơ kết 05 năm; thời gian lấy thông tin, số liệu thống kê: Từ ngày 01/7/2019 đến ngày 30/6/2024.

##### 2. Hình thức

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương: Căn cứ thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tế, chủ động lựa chọn hình thức sơ kết phù hợp; báo cáo kết quả sơ kết 05 năm thực hiện Luật PCTN tại cơ quan, đơn vị, địa phương, gửi về Thanh tra tỉnh để tổng hợp.

- Thanh tra tỉnh: Tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả sơ kết 05 năm thực hiện Luật PCTN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, trình UBND tỉnh xem xét ban hành để báo cáo Thanh tra Chính phủ theo quy định.

### 3. Nội dung sơ kết

Đánh giá toàn diện việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN; nghiên cứu, đánh giá các quy định của pháp luật về PCTN; đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về PCTN.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, Công an tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các công ty đại chúng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức liên hiệp, hội trên địa bàn tỉnh; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Khánh Hòa và các cơ quan, tổ chức có liên quan**

- Căn cứ Kế hoạch này, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tế, tiến hành sơ kết 05 năm thực hiện Luật PCTN tại cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo nội dung, tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

- Báo cáo kết quả sơ kết theo nội dung Đề cương báo cáo và các biểu mẫu thống kê (*ban hành kèm theo Kế hoạch này*), gửi về Thanh tra tỉnh **trước ngày 24/10/2024** để tổng hợp.

### 2. Giao Thanh tra tỉnh

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch; phối hợp chặt chẽ với Thanh tra Chính phủ, kịp thời báo cáo, đề xuất, tham mưu triển khai các nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch số 1992/KH-TTCP ngày 25/9/2024 của Thanh tra Chính phủ và Kế hoạch này.

- Tiếp nhận báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương; rà soát, tổng hợp, dự thảo Báo cáo kết quả sơ kết 05 năm thực hiện Luật PCTN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo yêu cầu tại Kế hoạch số 1992/KH-TTCP ngày 25/9/2024 của Thanh tra Chính phủ, trình UBND tỉnh **trước ngày 29/10/2024**.

Trên đây là Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời có văn bản, gửi về Thanh tra tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết.

(Đính kèm:

- Kế hoạch số 1992/KH-TTCP ngày 25/9/2024 của Thanh tra Chính phủ và các tài liệu kèm theo;

- Đề cương báo cáo và các biểu mẫu thống kê;

- Phụ lục về Danh sách các tổ chức liên hiệp, hội do Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa cho phép thành lập, các công ty đại chúng, các tổ chức tín dụng)/.

**Nơi nhận:**

- Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Vụ Pháp chế - Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Cục Chống tham nhũng - Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh;
- Viện KSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Báo Khánh Hòa;
- Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;
- Các DNNN thuộc tỉnh;
- Các tổ chức liên hiệp, hội, các công ty đại chúng, các tổ chức tín dụng (theo Phụ lục đính kèm Kế hoạch này);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng HC-TC;
- Lưu: VT, HgĐ, NgM. 67

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tấn Tuân**

## ĐỀ CƯƠNG

### Sơ kết 05 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng

(Kèm theo Kế hoạch số ~~111~~ KH-UBND ngày 11. tháng 10 năm 2024  
của UBND tỉnh)

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát đặc điểm, tình hình chung của sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN).

#### II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN

##### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN

1.1 Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai Luật PCTN và văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

1.2 Việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN theo thẩm quyền;

1.3 Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN.

1.4 Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong công tác PCTN.

##### 2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.1 Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

2.2 Xây dựng, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

2.3 Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; quy định về tặng quà, nhận quà tặng và kiểm soát xung đột lợi ích

2.4 Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn;

2.5 Thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt.

2.6 Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

- Tổ chức kê khai tài sản, thu nhập; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập;

- Quản lý, cập nhật bản kê khai tài sản, thu nhập và các thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập; theo dõi biến động về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai;
- Xác minh tài sản, thu nhập và công khai kết luận xác minh tài sản, thu nhập;
- Bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập;
- Xử lý người có hành vi vi phạm nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; vi phạm quy định thời hạn kê khai tài sản, thu nhập và vi phạm các quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập.

### **3. Việc phát hiện và xử lý tham nhũng**

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo.

3.1 Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3.2 Kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán:

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán;
- Kết quả xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán<sup>1</sup>;
- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

3.3 Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3.4 Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có)

3.5 Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

3.6 Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được;
- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng.

3.7 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu;
- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác;

<sup>1</sup> Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng.

#### **4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.**

4.1 Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

4.2 Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý<sup>2</sup>

4.3 Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

- Kết quả xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng;
- Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ;
- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu;
- Kết quả phát hiện, xử lý các hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

#### **5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN**

5.1 Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong PCTN.

5.2 Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong PCTN.

5.3 Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng.

#### **6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong PCTN**

6.1 Việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan nhà nước theo quy định tại Chương VII Luật PCTN.

6.2 Tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị chuyên trách về PCTN.

6.3 Việc phân định trách nhiệm và công tác phối hợp giữa các đơn vị chuyên trách về PCTN.

<sup>2</sup> Gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện.

6.4 Công tác phối hợp của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, tòa án và các cơ quan, tổ chức khác trong PCTN.

## **7. Đánh giá chung về công tác PCTN**

7.1 Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

7.2 So sánh hiệu quả công tác PCTN so với 05 năm trước khi ban hành Luật PCTN năm 2018.

7.3 Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN

7.4 Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong công tác PCTN

*(Kèm theo Biểu số 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN)*

## **III. ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PCTN**

### **1. Ưu điểm**

Đánh giá ưu điểm thông qua tính phù hợp, khả thi, hiệu quả của Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

2.1 Những chủ trương, chính sách của Đảng chưa thực hiện thể chế hóa và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa có quy định để điều chỉnh;

2.2 Những quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn;

2.3 Những quy định còn chưa rõ ràng, còn có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng chưa có văn bản hướng dẫn, dễ dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật;

2.4 Những quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo;

*(Kèm theo Biểu số 04/PCTN)*

## **IV. KIẾN NGHỊ**

### **1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật**

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về PCTN để bảo đảm phù hợp, khả thi, hiệu lực, hiệu quả của Luật PCTN và sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật *(Yêu cầu nêu rõ những quy định cần sửa đổi, bổ sung; lý do của việc sửa đổi, bổ sung)*

### **2. Kiến nghị về công tác tổ chức thi hành pháp luật về PCTN**

Kiến nghị giải pháp, biện pháp, cách thức tổ chức thực hiện pháp luật về PCTN để bảo đảm công tác PCTN đi vào thực chất, phát huy hiệu lực, hiệu quả.

ph

**PHỤ LỤC**  
**DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC LIÊN HIỆP, HỘI DO CHỦ TỊCH UBND**  
**TỈNH KHÁNH HÒA CHO PHÉP THÀNH LẬP, CÁC CÔNG TY**  
**ĐẠI CHỨNG, CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số ~~1111~~ KH-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh)*

**I. DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC LIÊN HIỆP, HỘI DO CHỦ TỊCH**  
**UBND TỈNH KHÁNH HÒA CHO PHÉP THÀNH LẬP**

- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị. Địa chỉ: 01A Phan Bội Châu, Nha Trang.
- Hội Nhà báo. Địa chỉ: 34 Yersin, Nha Trang.
- Liên minh Hợp tác xã. Địa chỉ: Khu Liên cơ số 1 Trần Phú, Nha Trang.

**II. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY ĐẠI CHỨNG**

- Công ty Cổ phần Khánh Tân. Địa chỉ: Thôn Buôn Lác, xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Nha Trang. Địa chỉ: 06 đường Bãi Dương, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17. Địa chỉ: 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh. Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4. Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang. Địa chỉ: 26 Hàn Thuyên, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh. Địa chỉ: Số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam. Địa chỉ: 35 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- Công ty Cổ phần Đông Á. Địa chỉ: 18 đường Nguyễn Xiển, tổ 23, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa.

11. Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa. Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

12. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa. Địa chỉ: Số 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

13. Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa. Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

14. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 510. Địa chỉ: Số 2, đường Trường Sơn, phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

15. Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang. Địa chỉ: KM 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

16. Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang. Địa chỉ: 22 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

17. Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh. Địa chỉ: 02 Yesin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

18. Công ty Cổ phần nước giải khát Sanest Khánh Hòa. Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

19. Công ty Cổ phần nước giải khát Sanna Khánh Hòa. Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

20. Công ty Cổ phần nước giải khát Yên Sào Khánh Hòa. Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

21. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9. Địa chỉ: Tầng trệt C4 - C5 Chung cư Chợ Đầm, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

22. Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa. Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

### **III. DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

1. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: 02 Hùng Vương, thành phố Nha Trang.

2. Ngân hàng TMCP Công Thương VN Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 04 Hoàng Hoa Thám, thành phố Nha Trang.

3. Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 17 Quang Trung, thành phố Nha Trang.

4. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 14 Lê Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

5. Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 1292 đường 2/4, thành phố Nha Trang.

6. Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 11 Quang Trung, thành phố Nha Trang.

7. Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

8. Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 30 Quang Trung, thành phố Nha Trang.

9. Ngân hàng TMCP Nam Á Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 66 Thái Nguyên, thành phố Nha Trang.

10. Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: Trung tâm thương mại Vincom Plaza, số 44-46 đường Lê Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

11. Ngân hàng TMCP Phương Đông Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 89 Yersin, thành phố Nha Trang.

12. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 76 Quang Trung, thành phố Nha Trang.

13. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Ninh Hòa. Địa chỉ: 268 Nguyễn Thị Ngọc Oanh, TDP 5, phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa.

14. Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN Chi nhánh KH. Địa chỉ: 63 Yersin, thành phố Nha Trang.

15. Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 76A Quang Trung, thành phố Nha Trang.

16. Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 82 Lý Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

17. Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 80 Quang Trung, thành phố Nha Trang.

18. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 26 Yersin, thành phố Nha Trang.

19. Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 50 Lê Thành Phương, thành phố Nha Trang.

20. Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 9F Lê Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

21. Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Cam Ranh. Địa chỉ: 151 Nguyễn Chí Thanh, Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, Khánh Hòa.

22. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 155-157 Thống Nhất, thành phố Nha Trang.

23. Ngân hàng TMCP An Bình Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 22 Thái Nguyên, thành phố Nha Trang.

24. Ngân hàng TMCP Kiên Long Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 54 Yersin, thành phố Nha Trang.

25. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 57C Lý Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

26. Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: Tầng trệt và tầng 2, số 47 đường Lê Thành Phương, thành phố Nha Trang.

27. Ngân hàng TMCP Đông Á Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 55 đường 2/4, thành phố Nha Trang.

28. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 24 Yersin, thành phố Nha Trang.

29. Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: Tòa nhà Ariyana Smart Condotel – số 18 đường Trần Hưng Đạo, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang.

30. Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 69-71 Thống Nhất, thành phố Nha Trang.

31. Ngân hàng TMCP Bản Việt Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 14 Ngô Gia Tự, thành phố Nha Trang.

32. Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 02 Lê Thành Phương, thành phố Nha Trang.

33. Ngân hàng TMCP Bảo Việt Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 08A đường Đinh Tiên Hoàng, thành phố Nha Trang.

34. Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 79 đường Yersin, thành phố Nha Trang.

35. Ngân hàng TMCP Bắc Á Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 38-40 Thống Nhất, thành phố Nha Trang.

36. Ngân hàng Liên doanh Việt Nga Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 159 Thống Nhất, thành phố Nha Trang.

37. Quỹ tín dụng Nhân dân Vĩnh Thái. Địa chỉ: Xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang.

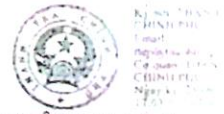
38. Quỹ tín dụng Nhân dân Vĩnh Phương. Địa chỉ: Xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang.

39. Quỹ tín dụng Nhân dân Cam Lâm. Địa chỉ: Thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm.

40. Quỹ tín dụng Nhân dân Ninh Hòa. Địa chỉ: Xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa.

ph





THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1992 /KH-TTCP

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2024

**KẾ HOẠCH**

**Sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng**

Thực hiện Chương trình công tác năm 2024 tại Văn bản số 42-CTr/BCĐTW ngày 05/2/2024, Chương trình công tác năm 2024 (sửa đổi, bổ sung) tại Văn bản số 51-CTr/BCĐTW ngày 14/8/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1031/VPCP-V.I ngày 28/3/2024 của Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ xây dựng Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Đánh giá khách quan, toàn diện kết quả đạt được, làm rõ những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định của Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục kịp thời những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn công tác PCTN, làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật về PCTN, bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong tình hình mới.

**2. Yêu cầu**

- Việc sơ kết phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan, thực chất, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng nội dung, mục đích, tiến độ đề ra.

- Đánh giá đúng thực trạng, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng được tổng hợp báo cáo từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Đề cương, kèm theo số liệu cụ thể; tập trung phân tích làm rõ những bất cập, khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp cụ thể trong việc sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống tham nhũng.

**II. PHẠM VI, HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG SƠ KẾT**

**1. Phạm vi**

- Việc sơ kết được thực hiện trên phạm vi toàn quốc, tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Kỳ sơ kết 05 năm, thời gian lấy thông tin, số liệu thống kê từ ngày 01/7/2019 đến ngày 30/6/2024.

6173 (25/9)

## 2. Hình thức

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ điều kiện thực tế và chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động lựa chọn hình thức sơ kết phù hợp, tổng hợp kết quả và gửi báo cáo về Thanh tra Chính phủ *trước ngày 31/10/2024*.

- Thanh tra Chính phủ tổng hợp, xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng. Trường hợp cần thiết sẽ tổ chức hội nghị lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan để hoàn thiện báo cáo.

## 3. Nội dung sơ kết

Đánh giá toàn diện việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; nghiên cứu, đánh giá các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng (*thực hiện theo Đề cương đính kèm*).

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Thanh tra Chính phủ

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, địa phương thực hiện việc sơ kết theo đúng nội dung và bảo đảm tiến độ theo Kế hoạch;

- Tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Chính phủ về sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, trong đó, tập trung đánh giá kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng trong 5 năm qua (từ 01/7/2019 đến 31/6/2024) và đánh giá các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng hiện hành, từ đó, đề xuất hoàn thiện pháp luật và biện pháp thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

- Có văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tiến hành sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và gửi kết quả về Thanh tra Chính phủ để tổng hợp, xây dựng báo cáo trên phạm vi toàn quốc.

### 2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ đề ra; gửi báo cáo kết quả đánh giá, sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng về Thanh tra Chính phủ (qua Vụ Pháp chế), đồng thời gửi bản mềm qua thư điện tử: [Vuphapche@thanhtra.gov.vn](mailto:Vuphapche@thanhtra.gov.vn) để tổng hợp, xây dựng báo cáo của Chính phủ.

- Phối hợp chặt chẽ với Thanh tra Chính phủ trong quá trình thực hiện Kế hoạch này để bảo đảm việc sơ kết đạt kết quả tốt.

### 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ hoạt động tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác (nếu có)./ ĐƯ

Nơi nhận: ĐƯ

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgTTCP Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Lãnh đạo TTCP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thanh tra các bộ, ngành;
- Thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cục, vụ, đơn vị thuộc TTCP;
- Lưu: VT, PC.

KT. TỔNG THANH TRA  
PHÓ TỔNG THANH TRA



Dương Quốc Huy



## ĐỀ CƯƠNG

Sơ kết 05 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng  
(Kèm theo Kế hoạch số 1992/KH-TTCP ngày 25 tháng 9 năm 2024  
của Thanh tra Chính phủ)

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát đặc điểm, tình hình chung của bộ, ngành, địa phương trong công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN).

### II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai Luật PCTN và văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

1.2. Việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN theo thẩm quyền;

1.3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN.

1.4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong công tác PCTN:

~~2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị~~

~~2.1. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;~~

~~2.2. Xây dựng, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ;~~

~~2.3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; quy định về tặng quà, nhận quà tặng và kiểm soát xung đột lợi ích~~

~~2.4. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn;~~

~~2.5. Thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt.~~

~~2.6. Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập~~

~~- Tổ chức kê khai tài sản, thu nhập; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập;~~

~~- Quản lý, cập nhật bản kê khai tài sản, thu nhập và các thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập; theo dõi biến động về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai;~~

~~- Xác minh tài sản, thu nhập và công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập;~~

~~- Bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập;~~

- Xử lý người có hành vi vi phạm nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; vi phạm quy định thời hạn kê khai tài sản, thu nhập và vi phạm các quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập.

### **3. Việc phát hiện và xử lý tham nhũng**

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo.

3.1. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

3.2. Kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán:

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán;
- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán<sup>1</sup>;
- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

3.3. Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

3.4. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có)

3.5. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương

3.6. Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được;
- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng.

3.7. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu;
- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác;

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng.

### **4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước**

4.1. Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

<sup>1</sup> Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...

4.2. Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý<sup>2</sup>

4.3. Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

- Kết quả xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng;
- Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ;
- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu;
- Kết quả phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước;
- Kết quả phát hiện, xử lý các hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

## **5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN**

5.1. Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong PCTN.

5.2. Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong PCTN.

5.3. Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng

## **6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong PCTN**

6.1. Việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan nhà nước theo quy định tại Chương VII Luật PCTN.

6.2. Tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị chuyên trách về PCTN.

6.3. Việc phân định trách nhiệm và công tác phối hợp giữa các đơn vị chuyên trách về PCTN.

6.4. Công tác phối hợp của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, toà án và các cơ quan, tổ chức khác trong PCTN.

## **7. Đánh giá chung về công tác PCTN:**

7.1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương

<sup>2</sup> gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện.

7.2. So sánh hiệu quả công tác PCTN so với 5 năm trước khi ban hành Luật PCTN năm 2018.

7.3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN

7.4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong công tác PCTN

*(Kèm theo Biểu số 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN)*

### **III. ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PCTN**

#### **1. Ưu điểm**

Đánh giá ưu điểm thông qua tính phù hợp, khả thi, hiệu quả của Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### **2. Tồn tại, hạn chế**

2.1. Những chủ trương, chính sách của Đảng chưa được thể chế hóa và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa có quy định để điều chỉnh;

2.2. Những quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn;

2.3. Những quy định còn chưa rõ ràng, còn có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng chưa có văn bản hướng dẫn, dễ dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật;

2.4. Những quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo;

2.5. Những vướng mắc, bất cập khác.

*(Kèm theo Biểu số 04/PCTN)*

### **IV. KIẾN NGHỊ**

#### **1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật**

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về PCTN để bảo đảm phù hợp, khả thi, hiệu lực, hiệu quả của Luật PCTN và sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật *(Yêu cầu nêu rõ những quy định cần sửa đổi, bổ sung; lý do của việc sửa đổi, bổ sung)*

#### **2. Kiến nghị về công tác tổ chức thi hành pháp luật về PCTN**

Kiến nghị giải pháp, biện pháp, cách thức tổ chức thực hiện pháp luật về PCTN để bảo đảm công tác PCTN đi vào thực chất, phát huy hiệu lực, hiệu quả.

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Số liệu tính từ ngày .../.../.... đến ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ..... tháng .... năm ... của .....)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	<b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	<b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	<b>THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>		
7	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN	Cuộc	
8	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN đã ban hành kết luận	Cuộc	
9	Số đơn vị được thanh tra	Đơn vị	
	<i>Kiến nghị xử lý hành chính</i>		
10	+ Tập thể	tập thể	
11	+ Cá nhân	người	
	<i>Kiến nghị xử lý hình sự</i>		
12	+ Số vụ	vụ	
13	+ Số đối tượng	Đối tượng	
	<b>PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
15	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện, xử lý vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	

	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
16	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	
17	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	
18	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	
19	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	
20	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	
21	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	
22	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	
23	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
24	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
25	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	
26	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
27	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
28	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
29	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	
30	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
31	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
32	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
33	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	
34	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	
35	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	

36	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	
37	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	
38	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	
39	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
40	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	
41	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
42	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	
43	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
43.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	
43.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
	<b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		
44	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	
45	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
46	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	vụ	
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	

	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	người	
	<b>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</b>		
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	<b>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</b>		
58	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	
59	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	
60	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	
61	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	
	<b>Qua công tác giải quyết khiếu nại tố cáo</b>		
62	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
63	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<b>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</b>		
64	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	
65	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	<b>Qua điều tra tội phạm</b>		
66	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
67	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	<b>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</b>		

68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
69	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
70	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	
71	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	
	<b>XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG</b>		
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
74	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
74.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	
74.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	
74.3	- <i>Cách chức</i>	Người	
	<b>XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		
75	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
76	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
76.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	
76.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	
76.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	
76.4	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	
77	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
78	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
79	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
80	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	<b>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</b>		
81	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

82	Đất đai	m <sup>2</sup>	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		
83	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
83.1	<i>- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính</i>	Triệu	
83.2	<i>- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp</i>	Triệu	
84	Đất đai	m <sup>2</sup>	
84.1	<i>- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i>	m <sup>2</sup>	
84.2	<i>- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i>	m <sup>2</sup>	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
85	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
86	Đất đai	m <sup>2</sup>	
	<b>PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)</b>		
87	Tổng số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	
88	Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	
89	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Vụ	
90	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Người	
91	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính	Vụ	
92	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật	Người	
	<b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC</b>		
93	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	
94	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	
95	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	
96	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	

97	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	
98	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	
99	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
100	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

**Ghi chú:**

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu
- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.
- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn
- (1) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo
- (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

Biểu số: 02/PCTN

**DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ**

Số liệu tính từ ngày .../.../.... đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày .... tháng ... năm ... của .....)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1					
2					
...					
<b>Tổng số:</b>					

Biểu số: 03/PCTN

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ,  
DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHƯNG (\*)**

Số liệu tính từ ngày .../.../.... đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày .... tháng .... năm ... của .....)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1							
2							
...							
<b>Tổng số:</b>							

*Hướng dẫn cách ghi biểu:*

(\*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4),(5): Điền dấu "x"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "x" tại Cột (5)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

TT	ĐIỀU KHOẢN/ VẤN ĐỀ <i>(ghi rõ điều, khoản, điểm)</i>	HẠN CHẾ, TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT
I	Những chủ trương, chính sách của Đảng chưa được thể chế hóa và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa có quy định để điều chỉnh		
1			
2			
II	Những quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn		
1			
2			
III	Những quy định còn chưa rõ ràng, còn có nhiều cách hiểu khác nhau		
1			
2			
IV	Những quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo		
1			
2			
V	Những vướng mắc, bất cập khác		
1			
2			